

Số: 95/2025/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

### Quy định một số mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP của Chính phủ Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ Về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ Về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 167/2012/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét Tờ trình số 424/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định một số mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

##### 2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính tại các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

b) Cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính; các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các cấp khi thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Điều 2. Mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

1. Thuê chuyên gia lấy ý kiến theo văn bản: Cấp tỉnh, cấp xã là 600.000 đồng/văn bản.

2. Chi hỗ trợ cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính tại các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường là: 20.000 đồng/người/ngày (Danh sách cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).

3. Các mức chi khác được thực hiện theo Thông tư số 167/2012/TT-BTC Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và các quy định pháp luật có liên quan.

## **Điều 3. Nguồn kinh phí**

Do ngân sách các cấp bảo đảm trong dự toán chi ngân sách của cơ quan, đơn vị theo quy định về phân cấp ngân sách hai cấp chính quyền địa phương và quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

## **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và bãi bỏ Nghị quyết số 141/2014/NQ-HĐND17 ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc Quy định một số mức chi kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025.*

**Nơi nhận:** *Hy*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Ninh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh: 01 bản giấy, 01 bản điện tử (đăng Công báo);
- Lãnh đạo, chuyên viên VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Việt Oanh**